

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày 10-8-2018
V/v yêu cầu không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Thanh Trúc Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Bích Lệ

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Minh Thị Thu Hòa-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Vân-Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018, về tranh chấp yêu cầu không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phạm Thị T, sinh năm 1980

- Bị đơn: anh Lê V, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: khu phố L, thị trấn S, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Tất cả các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn-chị Phạm Thị T trình bày: Sau thời gian tìm hiểu yêu thương nhau, được sự chấp thuận của hai bên gia đình, chị và anh Lê V cưới nhau và sống chung như vợ chồng từ năm 1999 đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng tạo lập được một căn nhà cấp 4 và sinh được hai người con tên Lê Thị Kim Quyên (sinh ngày 26/4/2000), Lê Tuấn Vương (sinh ngày 24/11/2004), nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được và sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Vì vậy, nay xét thấy tình cảm không còn, chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu không công nhận chị và anh Lê V là vợ chồng.

- Về con chung: Do con tên Lê Thị Kim Quyên (sinh ngày 26/4/2000) hiện đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu giải quyết, còn con tên Lê Tuấn Vương (sinh ngày 24/11/2004) chị đồng ý giao cho anh Lê V tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn-anh Lê V trình bày: Anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị Phạm Thị T về thời gian chung sống và về con chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh thống nhất với các yêu cầu khởi kiện của chị T và đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị Phạm Thị T là vợ chồng; Về con chung: Anh đồng ý tiếp tục nuôi con tên Lê Tuấn Vương (sinh ngày 24/11/2004), không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, Điều 15; Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị T và anh Lê V là vợ chồng.

- Về con chung: Cháu Lê Thị Kim Quyên (sinh ngày 26/4/2000) đã trưởng thành, giao con tên Lê Tuấn Vương (sinh ngày 24/11/2004) cho anh Lê V trực tiếp nuôi dưỡng, chị Phạm Thị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét yêu cầu và ý kiến của các bên đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu yêu thương nhau, được sự chấp thuận của hai bên gia đình, chị Phạm Thị T và anh Lê V cưới nhau và sống chung từ năm 1999 đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng sinh được hai người con tên Lê Thị Kim Quyên và Lê Tuấn Vương, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được và sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay, chị Phạm Thị T yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận chị và anh V là vợ chồng, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận tuyên bố không công nhận chị Phạm Thị T và anh Lê V là vợ chồng.

[2] Về con chung: Do con tên Lê Thị Kim Quyên (sinh ngày 26/4/2000) hiện đã đủ 18 tuổi nên chị T không yêu cầu giải quyết, còn con tên Lê Tuấn Vương (sinh ngày 24/11/2004) chị T đồng ý giao cho anh Lê V tiếp tục nuôi dưỡng. Yêu cầu này của chị Phạm Thị T, anh Lê V chấp nhận và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về vấn đề con chung.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: chị Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ vào:** Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Phạm Thị T và anh Lê V là vợ chồng.

2. Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể: Chị Phạm Thị T đồng ý giao con tên Lê Tuấn Vương (sinh ngày 24/11/2004) cho anh Lê V tiếp tục nuôi dưỡng, chị Phạm Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con (do anh Lê V không yêu cầu). Chị Phạm Thị T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015671 ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, chị Phạm Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/8/2018).

Nơi nhận:

- VKSND huyện B.Bình;
- THADS huyện B.Bình;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Thanh Trúc Tuyền